

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

LÊ THẮNG

**VỊ TRÍ, VAI TRÒ VÀ CHỨC NĂNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG GIAI
ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ**

***Chuyên ngành:* Luật hình sự**

***Mã số* : 60 38 40**

LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS.GVC. Nguyễn Ngọc Chí

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 201.....

**Có thể tìm hiểu luận văn tại
Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC

	Trang
Mở đầu	5
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ VÀ CHỨC NĂNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM.	13
1.1 <i>Vị trí, vai trò của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.</i>	13
1.2 <i>Chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.</i>	21
1.3 <i>Vị trí, vai trò và chức năng của Viện kiểm sát trong các mô hình tố tụng.</i>	31
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TRẠNG VỀ VAI TRÒ CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ.	43
2.1 <i>Quy định của pháp luật Việt Nam (trước năm 2002) về vị trí, vai trò và chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong giai đoạn hiện nay.</i>	43
2.2 <i>Quy định của pháp luật hiện hành về vị trí, vai trò và chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.</i>	61
2.3 <i>Thực trạng về Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hà Nội.</i>	76
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM.	86
3.1 <i>Căn cứ, yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao vị trí, vai trò của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong giai đoạn hiện nay.</i>	86
3.2 <i>Hoàn thiện pháp luật.</i>	90
3.3 <i>Các giải pháp nâng cao vị trí, vai trò của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự trong giai đoạn hiện nay.</i>	102
Kết luận	113
Danh mục tài liệu tham khảo	115

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

BLHS:	Bộ luật hình sự
BLTTHS:	Bộ luật tố tụng hình sự
HĐXX:	Hội đồng xét xử
TAND:	Tòa án nhân dân
TTHS:	Tố tụng hình sự
VKS:	Viện kiểm sát
VKSND:	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN:	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì VKSND có hai chức năng là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp, góp phần bảo đảm cho pháp luật đ- ợc chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Những năm vừa qua, mặc dù với số l- ợng cán bộ, KSV không nhiều (8588 KSV/ 13.743 cán bộ, công chức toàn ngành và đ- ợc phân bố ở các khâu công tác), số l- ợng công việc lớn (chỉ tính trong 5 năm, từ năm 2005 đến năm 2010, toàn ngành Kiểm sát đã thụ lý thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra 333.071 vụ án và đã truy tố 253.694 vụ), chất l- ợng truy tố đ- ợc nâng lên rõ rệt; số bị can bị khởi tố, truy tố oan giảm nhiều; qua đó góp phần bảo đảm cho pháp luật đ- ợc chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, trật tự trị an xã hội đ- ợc ổn định. Tuy nhiên, trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động t- pháp vẫn còn bộ lộ những hạn chế nhất định: Tiến độ điều tra, xử lý tội phạm còn chậm. Vẫn còn những vụ án có thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ, vi phạm thủ tục tố tụng, hồ sơ phải trả để điều tra bổ sung nhiều lần, kéo dài thời hạn giải quyết vụ án, hoặc thậm chí không đủ căn cứ để kết tội, phải đình chỉ. Tỷ lệ hồ sơ vụ án phải trả để điều tra bổ sung vẫn còn ở mức cao; Số bị can bị khởi tố, truy tố oan tuy đã giảm nhiều những vẫn còn phải đáng quan tâm; Việc phát hiện, xử lý sai phạm trong hoạt động điều tra, xử lý tội phạm ch- a kịp thời, triệt để. Kỹ năng thực hành quyền công tố và chất l- ợng kiểm sát xét xử của một bộ phận KSV ch- a đáp ứng đ- ợc yêu cầu, nhiệm vụ; việc xét hỏi của một số KSV tại phiên tòa có lúc còn ch- a thực sự sắc bén, lập luận ch- a chặt nên việc buộc tội thiếu tính thuyết phục. Việc tranh tụng của KSV đôi khi còn mang tính hình thức.

Tr- ớc yêu cầu của tình hình mới, để đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách t- pháp theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết 49 ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị, cùng với các cơ quan T- pháp, VKSND cũng cần phải tự hoàn thiện để không ngừng nâng cao hiệu các quả hoạt động thực hiện chức năng của mình, trong đó có hoạt động trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, qua đó nhằm bảo vệ tốt hơn nữa các quyền tự do, dân chủ và các lợi ích hợp pháp của công dân nói riêng cũng nh- bảo vệ Nhà n- ớc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa nói chung, tiến tới xây dựng Nhà n- ớc pháp quyền XHCN, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Từ tr- ớc đến nay đã có khá nhiều bài viết trên các báo, tạp chí, sách, các công trình nghiên cứu về chức năng, nhiệm vụ của VKS nói chung cũng nh- công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp nói riêng, và cũng có đề cập đến vai trò của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, đã đ- ợc công bố. Tuy nhiên, trong tình hình mới, để đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách t- pháp theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết 49

ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị, đặc biệt là trong tiến trình sửa đổi Hiến pháp năm 1992, trong đó có VKS, hiện đang có rất nhiều quan điểm về chức năng, vị trí và vai trò của VKS. Vì vậy, nhằm làm sáng tỏ thêm về mặt lý luận cũng như thực tiễn chức năng, vị trí và vai trò của VKS trong việc xét xử các vụ án hình sự cũng như nhằm cập nhật những quan điểm mới trong tình hình hiện nay về VKS, tác giả chọn đề tài: "Vị trí, vai trò và chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự" làm luận văn thạc sỹ, chuyên ngành luật hình sự, nhằm làm rõ thêm về vị trí, vai trò và chức năng của VKS, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của VKS trong một giai đoạn tố tụng cụ thể, đó là giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn:

Mục đích của bản luận văn này là nhằm làm sáng tỏ chức năng, vị trí và vai trò của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm, trên cả phương diện căn cứ pháp luật cũng như hoạt động thực tiễn, qua đó thấy được những ưu điểm cũng như những hạn chế, để đề ra được các giải pháp nhằm phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế, nâng cao được vị trí, vai trò của VKS trong giai đoạn này. Để thực hiện được mục đích trên, luận văn có nhiệm vụ là: Làm rõ những vấn đề lý luận về vị trí, vai trò và chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự; Nghiên cứu, phân tích, đánh giá về thực trạng vị trí, vai trò và chức năng của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm (thông qua các số liệu thực tế từ các báo cáo tổng kết công tác trong các năm 2006 - 2010 của VKSND thành phố Hà Nội); Đề xuất những kiến giải lập pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật (Hiến pháp, Luật tố tụng hình sự; Luật hình sự ...), các quan điểm, phương hướng và giải pháp (nhất là về bộ máy làm việc, điều kiện công tác, cơ chế phối hợp, công tác cán bộ, chế độ đãi ngộ đối với các kiểm sát viên ...).

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- Về phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu những vấn đề mang tính lý luận chung về vị trí, vai trò của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, đồng thời đi sâu nghiên cứu những quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến vị trí, vai trò của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.

- Thực trạng về VKS, luận văn giới hạn phân tích các số liệu thực tế của VKSND thành phố Hà Nội về hoạt động của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm để minh họa cho những vấn đề mà luận văn nghiên cứu.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu:

Để tiếp cận nghiên cứu vấn đề, luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; kết hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối chỉ đạo của Đảng về xây dựng và hoàn thiện bộ máy Nhà nước cũng như Pháp luật. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu đề tài luận văn cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu của các khoa học chuyên

ngành nh- : ph- ong pháp lịch sử, phân tích, tổng hợp, so sánh, ... để làm sáng tỏ những vấn đề cần nghiên cứu.

6. Đóng góp mới của luận văn:

Kết quả nghiên cứu của Luận văn góp phần làm sáng tỏ những cơ sở lý luận cũng nh- cơ sở thực tiễn, và thực trạng của hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động t- pháp của Ngành Kiểm sát Hà Nội trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm, qua đó đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.

7. Kết cấu của luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 ch- ong với 8 tiết.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ VÀ CHỨC NĂNG
CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM

1.1 Vị trí, vai trò của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

1.1.1 Vị trí của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

a) Nói đến vị trí của VKS là nói đến chỗ đứng của nó trong bộ máy nhà n-ớc, trong hệ thống các cơ quan nhà n-ớc. Mỗi cơ quan nhà n-ớc nói chung, trong đó có VKS nói riêng, đều có một vị trí nhất định của mình và vị trí này do những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể quyết định.

Nghiên cứu về lịch sử hình thành nhà n-ớc và pháp luật của các n-ớc trên thế giới, có thể thấy các cơ quan đ-ợc giao thực hiện quyền công tố (cơ quan công tố) xuất hiện khá muộn và gắn với quá trình thực hiện sự phân chia quyền lực nhà n-ớc.

Tùy theo đặc điểm của từng quốc gia, ở những thời kỳ khác nhau mà cơ quan công tố có vị trí khác nhau trong hệ thống các cơ quan nhà n-ớc. Có thể thấy những dạng chủ yếu sau:

- Cơ quan công tố thuộc Tòa án (cơ quan t- pháp).
- Cơ quan công tố thuộc Chính phủ (cơ quan hành pháp).
- Cơ quan công tố (VKS) thuộc Quốc hội (cơ quan lập pháp).

b) Để thực hiện đ-ợc tốt các chức năng, nhiệm vụ của mình thì VKS phải thực hiện những hoạt động nhất định và có mối quan hệ mật thiết với các cơ quan hữu quan, trong đó, đặc biệt phải kể đến là các cơ quan tiến hành tố tụng, bao gồm Tòa án và Cơ quan điều tra cùng cấp.

Trong mối quan hệ giữa VKS với Cơ quan điều tra: Đây không chỉ là mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan nhà n-ớc nhằm thực hiện chức trách, nhiệm vụ cụ thể của mỗi cơ quan, mà đây còn là mối quan hệ mang tính chất chỉ đạo - phục tùng.

Trong mối quan hệ giữa VKS với Tòa án: Nếu không có quyết định truy tố của VKS thì sẽ không có hoạt động xét xử của Tòa án. Và ng-ợc lại, nếu không có hoạt động xét xử của Tòa án thì việc truy tố của VKS trở nên vô nghĩa. Hơn thế nữa, VKS còn có chức năng kiểm sát các hoạt động t- pháp, mà cụ thể ở đây là kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án, nhằm góp phần đảm bảo cho hoạt động xét xử của Tòa án nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật. Nh- vậy, mối quan hệ giữa VKS và Tòa án là mối quan hệ hữu cơ, ràng buộc và chế - ớc lẫn nhau.

c) Xét xử hình sự sơ thẩm là giai đoạn trung tâm của tố tụng hình sự và vị trí của VKS đ-ợc thể hiện tập trung và rõ nét nhất trong giai đoạn này. Bởi lẽ:

- Là cơ quan thực hành quyền công tố và bằng quyết định truy tố của mình làm phát sinh hoạt động xét xử của Tòa án, nên VKS có vị trí không thể thiếu trong giai đoạn xét xử hình sự.
- Là cơ quan buộc tội, nên VKS phải tham gia phiên tòa để kiểm tra lại các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập, tranh tụng với bên gỡ tội.

Từ những phân tích ở trên, có thể thấy vị trí của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm như sau: VKS là cơ quan nhà nước được Quốc hội thành lập và chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Quốc hội, là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng, có trách nhiệm thực hiện quyền công tố trong tố tụng hình sự, quyết định việc truy tố người phạm tội ra trước tòa án và kiểm sát hoạt động xét xử của tòa án, nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

1.1.2 Vai trò của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

VKS giữ một vai trò rất quan trọng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, là một trong những công cụ hữu hiệu để bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm pháp luật, góp phần bảo vệ công lý cũng như các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế cũng như xây dựng, bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và tăng cường hợp tác quốc tế.

1.2 Chức năng của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

1.2.1 Khái niệm về chức năng của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

Chức năng của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm là phạm vi hoạt động chủ yếu của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm nhằm thực hiện quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời, việc truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

1.2.2 Chức năng công tố trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

a. Khái niệm công tố và chức năng công tố

Công tố chính là sự cáo buộc của Nhà nước đối với người đã có hành vi vi phạm pháp luật trước Tòa án, là quyền và trách nhiệm nhân danh Nhà nước để đưa những người và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến lợi ích của Nhà nước (và các lợi ích chung khác mà Nhà nước quan tâm và thấy cần phải được bảo vệ) ra trước Tòa án để xét xử. Quyền công tố được thể hiện đầy đủ và rõ nét nhất là trong lĩnh vực TTTHS.

Để đảm bảo thực hiện quyền công tố, Nhà nước ban hành các văn bản pháp luật để quy định các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố và giao cho một (hệ thống) cơ quan nhà nước thực hiện nhằm phát hiện tội phạm và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội - đó là cơ quan công tố. Ở Việt Nam, VKS là cơ quan được giao chức năng thực hiện quyền công tố.

Chức năng công tố phạm vi hoạt động chủ yếu của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, bao gồm các hoạt động chủ yếu là công bố quyết định truy tố đối với người (bị coi là) đã

thực hiện hành vi phạm tội ra tr-ớc Tòa án để xét xử bằng bản cáo trạng; thực hiện việc luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa và tranh luận với bị cáo và những ng-ời tham gia tố tụng khác để bảo vệ quan điểm truy tố và buộc tội của VKS, nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều phải đ-ợc xử lý kịp thời, việc truy tố, xét xử đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và ng-ời phạm tội, không làm oan ng-ời vô tội.

b. Quyền hạn và trách nhiệm của VKS khi thực hiện chức năng công tố trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

Để thực hiện đ-ợc chức năng công tố, VKS phải thực hiện đ-ợc hai nội dung cơ bản và quan trọng, đó là *khởi tố và điều tra* và sau đó là *truy tố và buộc tội*.

Để thực hiện đ-ợc quyền công tố trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự, theo các quy định của pháp luật hiện hành, VKS có quyền (đồng thời cũng là trách nhiệm) áp dụng mọi biện pháp theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều phải đ-ợc xử lý kịp thời; việc truy tố đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và ng-ời phạm tội, không làm oan ng-ời vô tội. Cụ thể, VKS có các quyền và trách nhiệm:

- Trên cơ sở kết quả điều tra của cơ quan điều tra (thể hiện tại Bản kết luận điều tra), VKS có quyền quyết định việc truy tố bị can thể hiện bằng bản cáo trạng.

- Thực hiện việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa hình sự thông qua bản luận tội đ-ợc trình bày tr-ớc HĐXX.

- Tranh luận với những ng-ời tham gia tố tụng, đặc biệt là với bị cáo và ng-ời bào chữa, để bảo vệ quan điểm truy tố.

1.2.3 Chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm là *một hoạt động thực hiện chức năng của VKSND, nhằm giám sát việc chấp hành pháp luật của Tòa án, của ng-ời tiến hành tố tụng, ng-ời tham gia tố tụng, cơ quan nhà n-ớc, tổ chức và cá nhân trong quá trình xét xử vụ án hình sự, góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà n-ớc, của tập thể, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân, bảo đảm để mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà n-ớc, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân đều phải đ-ợc xử lý theo pháp luật.*

Phạm vi của hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm đ-ợc bắt đầu kể từ khi VKS ra bản cáo trạng truy tố đối với bị can (hoặc các bị can) về một hoặc nhiều tội danh cụ thể và chuyển hồ sơ vụ án cùng bản cáo trạng đến Tòa án cùng cấp và kết thúc khi bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật đ-ợc thi hành.

1.3 Vị trí, vai trò và chức năng của VKS trong các mô hình tố tụng

Mô hình tố tụng hình sự thể hiện cách ứng xử của Nhà nước đối với người bị tình nghi phạm tội, nó quyết định toàn bộ quy trình tố tụng là nhằm hướng tới sự tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan tố tụng hay là sự bảo vệ quyền lợi của công dân và các vấn đề khác có liên quan.

Trên thế giới hiện nay có nhiều mô hình tố tụng khác nhau, mỗi mô hình tố tụng lại phụ thuộc vào lịch sử, truyền thống pháp luật, phong tục tập quán, điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội của mỗi quốc gia. Xét về cách thức tiến hành tố tụng phổ biến trên thế giới hiện nay, có thể phân chia mô hình tố tụng (một cách tổng quát) thành ba kiểu tố tụng, là: kiểu tố tụng thẩm vấn (tố tụng xét hỏi); kiểu tố tụng tranh tụng và kiểu tố tụng thẩm vấn có đan xen một số yếu tố của tranh tụng. Dù trong mô hình tố tụng nào thì VKS cũng đều phải thực hiện một chức năng đặc trưng của mình, đó là thực hành quyền công tố. Tuy nhiên, do cách thức tiến hành tố tụng của mỗi mô hình tố tụng có những nét riêng biệt nhất định, nên vị trí, vai trò, chức năng của VKS trong mỗi mô hình tố tụng cũng có những nét khác biệt nhất định.

1.3.1 Vị trí, vai trò và chức năng của VKS trong mô hình tố tụng tranh tụng

Tranh tụng là hoạt động tố tụng được thực hiện bởi các bên tham gia tố tụng (bên buộc tội và bên bị buộc tội) có quyền bình đẳng với nhau trong việc thu thập, đưa ra chứng cứ để bảo vệ các quan điểm và lợi ích của mình, phản bác lại các quan điểm và lợi ích của phía bên đối lập. Thể hiện tập trung và rõ nét nhất của hình thức tố tụng tranh tụng chính là việc tranh luận giữa các bên (bên buộc tội và bên gỡ tội) tại phiên tòa.

Trong tố tụng tranh tụng, có sự phân định rạch ròi giữa ba chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử. Quá trình tranh tụng giữa các đại diện thực hiện ba chức năng này là điều kiện tiên quyết để bảo đảm sự bình đẳng giữa bên gỡ tội với bên buộc tội.

Mô hình tố tụng này được xây dựng dựa trên quan điểm tôn trọng các quyền cá nhân, hạn chế sự lạm dụng quyền lực của các cơ quan và quan chức nhà nước, nhấn mạnh tính hợp pháp trong các hoạt động tố tụng và ra các quyết định dựa trên nguyên lý phạm tội về mặt pháp lý, nên quá trình thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm mang nặng tính hình thức. Kiểu tố tụng tranh tụng có ưu điểm là quá trình tố tụng diễn ra dân chủ, các quyền con người của cá nhân người phạm tội được bảo đảm; việc buộc tội, gỡ tội rõ ràng, minh bạch, có tác dụng chống oan, sai rất hiệu quả. Tuy nhiên, kiểu tố tụng tranh tụng cũng bộc lộ nhược điểm là nó mang tính nặng tính cá nhân, tức là nó nhằm bảo vệ lợi ích của cá nhân người phạm tội, hơn là vì lợi ích chung của toàn xã hội, và vì vậy dễ dẫn tới việc bỏ lọt tội phạm; quá trình tố tụng tại phiên tòa thường diễn ra rất dài và tốn kém (nhất là đối với các vụ án nghiêm trọng, phức tạp) do việc tranh tụng giữa các bên.

1.3.2 Vị trí, vai trò và chức năng của VKS trong mô hình tố tụng thẩm vấn (tố tụng xét hỏi)

Tố tụng thẩm vấn là kiểu tố tụng mà trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Cơ quan điều tra, Cơ quan công tố và Tòa án (các cơ quan tiến hành tố tụng). Bị can, bị cáo có quyền nh- ng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.

Mô hình tố tụng này đ- ợc đ- ợc xây dựng dựa trên quan điểm cho rằng việc trấn áp tội phạm là chức năng quan trọng nhất của tố tụng hình sự và nó là điều kiện cần thiết để đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe, tự do và tài sản của công dân. Do đó, mô hình tố tụng này yêu cầu các hoạt động tố tụng phải đ- ợc tiến hành nhanh chóng, dứt khoát nhằm hạn chế tội phạm ở mức độ cao, ra các quyết định dựa trên các tình tiết phạm tội thực tế và nhấn mạnh tính hiệu quả của các hoạt động tố tụng. Vì vậy, mô hình tố tụng thẩm vấn có - u điểm là việc điều tra, truy tố, xét xử đ- ợc nhanh chóng, trừng trị kịp thời kẻ phạm tội, góp phần giữ gìn trật tự xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, kiểu tố tụng này lại có nh- ợc điểm là không phân định rành mạch giữa các chức năng buộc tội, chức năng xét xử và chức năng bào chữa, quá trình tố tụng diễn ra khép kín, không đảm bảo thực sự dân chủ và bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, vì vậy dễ dẫn đến oan, sai.

1.3.3 Vị trí, vai trò và chức năng của VKS trong mô hình tố tụng Xô - Viết

Đây là mô hình tố tụng thẩm vấn có đan xen một số yếu tố của tranh tụng và đ- ợc nhiều quốc gia đang áp dụng (trong đó có Việt Nam).

Trong mô hình tố tụng này, trách nhiệm chứng minh tội phạm vẫn thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, nh- ng vai trò của Luật s- đ- ợc đề cao. Ở kiểu tố tụng này, Tòa án vẫn có trách nhiệm tìm ra sự thật và phiên toà xét xử đ- ợc coi là giai đoạn điều tra công khai mà Thẩm phán là người giữ vai trò chủ đạo. Trong kiểu tố tụng này, Công tố viên không chỉ là bên buộc tội, “đối kháng” với bị cáo, với ng- ời bào chữa cho bị cáo, mà còn có trách nhiệm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo cũng nh- của những ng- ời tham gia tố tụng khác. Việc tranh tụng tại phiên toà giữa bên buộc tội và bên gỡ tội đ- ợc diễn ra công bằng và dân chủ.

*

* *

Chương 2
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TRẠNG VỀ
VAI TRÒ CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG GIAI ĐOẠN
XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ.

2.1 Quy định của pháp luật Việt Nam (trước năm 2002) về vị trí, vai trò và chức năng của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

2.1.1 Cơ quan công tố - tiền thân của Viện kiểm sát nhân dân

Với cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945, nước ta giành độc lập. Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện chính trị - pháp lý quan trọng đánh dấu một chương mới trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, là cơ sở để một loạt các thiết chế của một nước Việt Nam mới được tạo lập.

Ngày 13/9/1945, Chính phủ ban hành sắc lệnh số 33c về việc thành lập Tòa án quân sự - đây là cơ sở pháp lý đầu tiên của Nhà nước dân chủ nhân dân, đánh dấu sự ra đời của hệ thống Tòa án, đồng thời cũng là văn bản pháp lý đầu tiên quy định về tổ chức và hoạt động của cơ quan Công tố trong bộ máy Nhà nước ta.

Tiếp đó, cùng với việc ban hành Sắc lệnh số 37 ngày 26/9/1945 về thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án quân sự; Sắc lệnh số 40 ngày 29/9/1945 về thành lập thêm Tòa án quân sự ở Nha Trang; Sắc lệnh số 21 ngày 14/02/1946 và tiếp đó là Sắc lệnh số 155 ngày 17/11/1950 của Chính phủ thay thế tất cả các sắc lệnh đã ban hành trước đây về Tòa án quân sự, tính thống nhất của hệ thống pháp luật ngày càng được đảm bảo, hệ thống công tố dần được hoàn thiện.

Trong thời kỳ này, phạm vi thẩm quyền của Cơ quan công tố không chỉ bó hẹp trong lĩnh vực hình sự mà Cơ quan công tố còn tham gia vào quá trình giải quyết các việc hộ (dân sự), trực tiếp thi hành bản án, quyết định của Tòa án, có trách nhiệm bảo vệ trật tự pháp luật, trông nom việc thi hành các đạo luật của Nhà nước.

2.1.2 Tổ chức cơ quan công tố sau cuộc cải cách t- pháp lần thứ nhất (năm 1950) đến trước khi thành lập Viện Công tố độc lập (năm 1958)

Trên cơ sở kết quả của Hội nghị cải cách t- pháp năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 85-SL ngày 22/5/1950 quy định mối liên hệ giữa Ủy ban kháng chiến hành chính với các cơ quan chuyên môn. Vị trí, thẩm quyền và tổ chức bộ máy của cơ quan công tố, theo sắc lệnh này, được quy định như sau:

- Vị trí của cơ quan công tố, so với các quy định được ban hành trước cuộc cải cách t- pháp năm 1950, về cơ bản không thay đổi, vẫn được tổ chức trong hệ thống Tòa án.

- Về thẩm quyền trong giải quyết việc hộ, tr-ớc đây, với quan niệm việc hộ th-ờng chỉ có lợi hoặc có hại cho t- nhân, không ảnh h-ởng tới xã hội, nên Công tố viện tham gia hạn chế vào quá trình giải quyết việc hộ. Sau cuộc cải cách t- pháp năm 1950, quan điểm của Đảng và Nhà n-ớc ta có thay đổi, theo đó tăng c-ờng vai trò của Công tố viện tham gia giải quyết việc hộ, cụ thể là tiếp tục khẳng định Viện Công tố có quyền kháng cáo việc hộ; đối với những biên bản hoà giải thành, pháp luật quy định có hiệu lực ngay, nh-ng Biện lý có thẩm quyền xem xét biên bản hoà giải thành và trong tr-ờng hợp phát hiện thoả thuận đó xâm phạm đến trật tự chung thì có quyền kháng cáo, yêu cầu Toà án có thẩm quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ những nội dung hai bên đã thoả thuận.

Về thẩm quyền trong việc giải quyết vụ án hình sự, pháp luật giao thẩm quyền cho Biện lý có quyền xem xét hồ sơ vụ án có cần phải thẩm cứu thêm hay không, Biện lý chỉ giao hồ sơ sang Phòng dự thẩm để thẩm cứu khi xét thấy thật cần thiết, chứ không phải trong mọi tr-ờng hợp nh-quy định tr-ớc đây.

2.1.3 Tổ chức cơ quan công tố từ khi thành lập hệ thống Viện Công tố độc lập trực thuộc Hội đồng Chính phủ cho đến tr-ớc khi thành lập Viện kiểm sát nhân dân (năm 1960)

Tr-ớc sự chuyển biến của tình hình cách mạng và yêu cầu tăng c-ờng chuyên chính vô sản cũng nh- tr-ớc sự tr-ởng thành của các cơ quan t- pháp, đòi hỏi phải có sự đổi mới căn bản, sâu sắc về tổ chức và hoạt động của các cơ quan t- pháp, trong đó có cơ quan công tố, để đảm bảo mở rộng dân chủ, tăng c-ờng chuyên chính, bảo đảm việc trừng trị những kẻ phản cách mạng và phạm tội khác đ-ợc kịp thời, đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật, làm sao cho việc xét xử vừa kiên quyết lại vừa thận trọng.

Tại phiên họp ngày 29/4/1958, Quốc hội n-ớc Việt nam dân chủ cộng hoà đã ban hành Nghị quyết thông qua đề án của Hội đồng Chính phủ, nhằm tăng c-ờng thêm một b-ớc Chính phủ và bộ máy Nhà n-ớc ở cấp trung - ơng, trong đó có nội dung thành lập Toà án tối cao và hệ thống Toà án; thành lập hệ thống Viện Công tố, cả hai cơ quan này tách khỏi Bộ T- pháp và có quyền hạn, trách nhiệm ngang một Bộ và trực thuộc Hội đồng Chính Phủ.

Để thể chế hoá Nghị quyết của Quốc hội, ngày 01/7/1959, Thủ t-ớng Chính phủ ban hành Nghị định 256-TTg quy định về tổ chức và nhiệm vụ của Viện Công tố, cụ thể nh- sau:

Về vị trí của Viện Công tố: Viện Công tố đ-ợc tổ chức thành một hệ thống cơ quan độc lập, tách khỏi tổ chức của Toà án và sự quản lý của Bộ t- pháp, đặt Viện Công tố trung - ơng trực thuộc Hội đồng Chính phủ, có trách nhiệm và quyền hạn nh- một Bộ.

Về chức năng, nhiệm vụ của Viện Công tố: Viện Công tố giám sát việc tuân thủ và chấp hành pháp luật của Nhà n-ớc, truy tố theo pháp luật hình sự những kẻ phạm pháp để bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân, giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tài sản của công, bảo vệ quyền và lợi ích của công dân, bảo đảm công cuộc kiến thiết và cải tạo xã hội chủ nghĩa tiến hành thuận lợi.

Để thực hiện nhiệm vụ chung này, Viện Công tố có những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Điều tra và truy tố trước Tòa án những kẻ phạm pháp về hình sự;
- Giám sát việc chấp hành luật pháp trong việc xét xử của Tòa án;
- Giám sát việc chấp hành luật pháp trong việc thi hành các bản án về hình sự, dân sự và trong hoạt động của cơ quan giam giữ và cải tạo;
- Khởi tố và tham gia tố tụng trong các vụ án dân sự quan trọng liên quan đến lợi ích của Nhà nước và nhân dân;

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Viện Công tố có trách nhiệm áp dụng các biện pháp thích đáng theo pháp luật để xử lý mọi hành vi vi phạm pháp luật, mọi phần tử phạm pháp.

Về tổ chức bộ máy của Viện Công tố, theo Nghị định 256-TTg ngày 01/7/1959 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 601-TCCB ngày 06/8/1959 của Viện trưởng Viện Công tố trung ương, Viện Công tố được tổ chức từ trung ương xuống đến địa phương, gồm:

- Viện Công tố Trung ương;
- Viện Công tố địa phương các cấp;
- Viện Công tố quân sự các cấp.

Tổ chức Viện Công tố trong giai đoạn này được tổ chức song song với hệ thống Tòa án (trừ Viện Công tố phúc thẩm được tổ chức độc lập theo khu vực) và gắn liền với hệ thống hành chính các cấp. Mối quan hệ giữa Viện Công tố địa phương với Ủy ban hành chính các cấp là mối quan hệ song trùng trực thuộc, cụ thể: Viện Công tố các cấp chịu sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính cùng cấp, đồng thời chịu sự lãnh đạo của Viện Công tố trung ương.

2.1.4 Sự ra đời của hệ thống cơ quan Viện kiểm sát nhân dân

Xuất phát từ những yêu cầu khách quan của giai đoạn cách mạng mới, quán triệt tư tưởng của Lê nin về VKS, kể từ Hiến pháp năm 1959 của Nhà nước ta đến nay đều quy định cụ thể các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của VKSND thay cho Viện Công tố.

Theo Hiến pháp 1959, ngoài chức năng Công tố, VKSND còn có chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ, cơ quan Nhà nước địa phương, các nhân viên cơ quan Nhà nước và công dân. Về tổ chức và hoạt động, VKSND các cấp chịu sự lãnh đạo của VKSND cấp trên và sự lãnh đạo thống nhất của VKSND tối cao. Và "*Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, trong thời gian Quốc hội không họp không họp thì chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ quốc hội*".

Trên cơ sở Hiến pháp 1959, ngày 26/7/1960, Luật tổ chức VKSND xác định hệ thống cơ quan VKSND được tổ chức từ trung ương đến đơn vị hành chính cấp huyện và các VKS quân sự.

Cải cách tư pháp lần thứ nhất đã mang lại những kết quả làm thay đổi căn bản vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan công tố ở nước ta. Đây thực sự là sự thay đổi về chất chứ không chỉ đơn thuần ở sự thay đổi tên gọi của cơ quan công tố, thể hiện ở chỗ:

- Thứ nhất, về mặt tổ chức, cơ quan công tố không còn trực thuộc vào hệ thống các cơ quan hành pháp như trước đây nữa, mà trở thành một hệ thống cơ quan độc lập - hệ thống cơ quan VKSND - chịu sự giám sát của Quốc hội (cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất ở nước ta).

- Thứ hai, trong tổ chức và hoạt động của mình, VKSND phải tuân theo nguyên tắc tập trung thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Viện trưởng VKSND tối cao và nguyên tắc độc lập, không lệ thuộc vào bất kỳ cơ quan Nhà nước nào ở địa phương.

- Thứ ba, VKSND không chỉ có chức năng thực hành quyền công tố mà thực hiện cả chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trên lĩnh vực hành chính, kinh tế, xã hội và lĩnh vực hoạt động tư pháp.

Sau khi thống nhất đất nước, Hiến pháp năm 1980, được ban hành và tiếp tục ghi nhận VKSND có hai chức năng là kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan Nhà nước từ cấp Bộ trở xuống, các tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, các nhân viên Nhà nước và công dân, nhấn mạnh chức năng thực hành quyền công tố của VKSND và khẳng định rõ hơn vai trò và trách nhiệm của Viện trưởng VKSND các cấp, đặc biệt là của Viện trưởng VKSND tối cao.

Từ năm 1987, đất nước bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện, Hiến pháp năm 1992 được ban hành, nhưng vẫn giữ nguyên quy định về chức năng cũng như tổ chức bộ máy của hệ thống cơ quan VKSND.

Ngày 19 tháng 11 năm 2001, Hội nghị lần thứ IV Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã ra kết luận về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, nêu rõ việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp phải quán triệt quan điểm là tiếp tục khẳng định bản chất và mô hình tổng thể của thể chế chính trị và bộ máy nhà nước đã được xác định trong Cương lĩnh năm 1991 của Đảng và Hiến pháp năm 1992, đồng thời xác định trọng tâm là sửa đổi, bổ sung một số điều về tổ chức bộ máy nhà nước để làm cơ sở cho việc tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước. Hội nghị đã kết luận: "*cần sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân theo hướng Viện kiểm sát nhân dân chỉ thực hiện quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, không kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, tổ chức và cá nhân*". Trên tinh thần đó, Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi và xác định VKSND chỉ thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Có thể nói đây là bước thay đổi lớn về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND từ ngày thành lập (năm 1960) đến nay.

2.2 Quy định của Pháp luật hiện hành về vị trí, vai trò và chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 137 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi) thì: "*Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện*

kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tñ pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định" .

VKSND thực hành quyền công tố chính là việc VKSND sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ng-ời phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử. Theo các quy định của pháp luật hiện hành, ở Việt Nam, VKSND là cơ quan duy nhất đ-ợc giao chức năng thực hành quyền công tố. Hoạt động thực hành quyền công tố chỉ diễn ra trong hai giai đoạn của TTHS là giai đoạn điều tra vụ án hình sự và giai đoạn xét xử vụ án hình sự. Hoạt động công tố đ-ợc thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án hình sự và diễn ra trong suốt quá trình TTHS nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và ng-ời phạm tội, không làm oan ng-ời không có tội.

Quy định về chức năng, nhiệm vụ của VKSND tại Điều 137 của Hiến pháp đ-ợc thể chế hóa tại Điều 1 của Luật tổ chức VKSND năm 2002: *"Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tñ pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.*

Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tñ pháp, góp phần bảo đảm cho pháp luật đ-ợc chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Các Viện kiểm sát nhân dân địa ph-ương thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tñ pháp ở địa ph-ương mình.

Các Viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tñ pháp theo quy định của pháp luật" .

Để thực hiện đ-ợc các chức năng, nhiệm vụ của mình, Điều 3 của Luật tổ chức VKSND năm 2002 đã quy định: *Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình bằng các công tác sau đây:*

- 1. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự của các cơ quan điều tra và các cơ quan khác đ-ợc giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;*
- 2. Điều tra một số loại tội xâm phạm hoạt động tñ pháp mà ng-ời phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tñ pháp;*
- 3. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự;*
- 4. Kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, hành chính, kinh tế, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật;*
- 5. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành các bản án, quyết định của Toà án nhân dân;*
- 6. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục ng-ời chấp hành hình phạt tù.*

Nh- vậy, theo các quy định hiện hành, thì VKSND thực hiện các chức năng nhiệm vụ của mình thông qua 4 khâu công tác kiểm sát cụ thể, và trong các khâu công tác kiểm sát này thì thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự là một khâu công tác có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và thể hiện rõ nét nhất chức năng công tố của VKSND.

Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự là hoạt động đòi hỏi VKS phải thực hiện đ- ợc đồng thời cả hai nhiệm vụ, đó là truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ng- ời đã thực hiện hành vi phạm tội ra tr- ớc Tòa án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình xét xử của Tòa án, nhằm bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật, nghiêm minh và kịp thời.

Để thực hiện hiệu quả quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, Điều 17 Luật tổ chức VKSND năm 2002 quy định: "*Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự, Viện kiểm sát nhân dân có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:*

1. Đọc cáo trạng, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa;

2. Thực hiện việc luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm; tranh luận với ng- ời bào chữa và những ng- ời tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm;

3. Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm".

Còn để thực hiện đ- ợc nhiệm vụ kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, Điều 18 Luật tổ chức VKSND năm 2002 quy định: "*Khi thực hiện công tác kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, Viện kiểm sát nhân dân có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:*

1. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân;

2. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của những ng- ời tham gia tố tụng;

3. Kiểm sát các bản án và quyết định của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

4. Yêu cầu Tòa án nhân dân cùng cấp và cấp đ- ối chuyển hồ sơ những vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị".

Để h- ớng dẫn thống nhất trong toàn ngành, Viện tr- ờng VKSND tối cao đã ban hành Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự (ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007 của Viện tr- ờng VKSND tối cao), quy định cụ thể về các nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự.

Nh- vậy, phạm vi công tác kiểm sát xét xử các vụ án hình sự đ- ợc bắt đầu ngay từ khi VKS chuyển hồ sơ vụ án cùng cáo trạng (hoặc Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn) đến Tòa án cùng

cấp và chỉ chấm dứt khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị.

Hoạt động chủ yếu và quan trọng nhất của KSV trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự, thể hiện rõ nét nhất vai trò, vị trí và chức năng của VKS, chính là các hoạt động của chính KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Luật cũng có các quy định tương đối chi tiết về vị trí, vai trò, quyền hạn và nhiệm vụ của VKS, gồm quy định về: Sự có mặt của KSV (Điều 189 BLTTHS); Đọc bản cáo trạng (Điều 206 BLTTHS); Trình tự xét hỏi (Điều 207 BLTTHS); Cũng như các quy định về việc hỏi bị cáo (Điều 209); Hỏi người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ (Điều 210); Hỏi người làm chứng (Điều 211); Hỏi người giám định (Điều 215); Các quy định về việc xem xét vật chứng (Điều 212); Xem xét tại chỗ (Điều 213) hay việc trình bày, công bố các tài liệu của vụ án và nhận xét báo cáo của cơ quan, tổ chức (Điều 214).

Có thể nói, nhiệm vụ trọng tâm và cơ bản nhất của KSV tại phiên tòa sơ thẩm là bảo vệ cáo trạng, bảo vệ quan điểm truy tố của VKS và được thể hiện tập trung và rõ nét nhất trong phần tranh luận tại phiên tòa. Tuy không ghi nhận tranh tụng là một nguyên tắc của tố tụng hình sự, nhưng BLTTHS năm 2003 đã có nhiều quy định thể hiện tinh thần tranh tụng trong tố tụng hình sự, như quy định về: Trình tự phát biểu khi tranh luận (Điều 217 BLTTHS); Đối đáp (Điều 218 BLTTHS); Trở lại việc xét hỏi (Điều 219 BLTTHS) cũng như Xem xét rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn (Điều 221 BLTTHS).

Nhìn chung, các quy định của pháp luật nói chung, trong đó có các quy định của BLTTHS năm 2003 về cơ bản đã bảo đảm được tính hiệu quả của các hoạt động tố tụng, góp phần tấn công, trấn áp và hạn chế tội phạm, đồng thời bảo đảm được các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, các quy định của BLTTHS năm 2003 cũng đã bộc lộ một số hạn chế nhất định:

- Chưa có sự phân định rõ ràng chức năng, thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng.
- BLTTHS năm 2003 quy định cho VKS rất nhiều quyền nhưng lại thiếu cơ chế để đảm bảo cho VKS thực hiện hiệu quả các quyền này.
- Một số quy định của BLTTHS năm 2003 còn chưa thực sự khoa học và hợp lý.
- Trong BLTTHS năm 2003 cũng chứa đựng nhiều quy phạm mang tính tùy nghi, như "trong trường hợp cần thiết", "có thể" ... dẫn đến khó khăn trong hoạt động nhận thức và áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, trong đó có VKS nói riêng.

2.3 Thực trạng về Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hà Nội.

VKSND thành phố Hà Nội là một đơn vị thuộc hệ thống ngành kiểm sát nhân dân, được tổ chức và hoạt động theo các quy định của Hiến pháp và Luật tổ chức VKSND, có chức năng thực

hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tố tụng pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, góp phần đảm bảo cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất trên toàn thành phố.

Hoạt động của VKSND thành phố Hà Nội vừa chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao, vừa chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Viện trưởng VKS thành phố có trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân; trả lời chất vấn, kiến nghị, yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, VKSND thành phố Hà Nội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan của thành phố, như: Tòa án, Công an, Thanh tra, Tố tụng, các cơ quan khác của Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ... để phòng ngừa và chống tội phạm có hiệu quả, xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng; tuyên truyền, giáo dục pháp luật; xây dựng pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nghiên cứu tội phạm và vi phạm pháp luật.

Hiện tại, tổng biên chế của Ngành kiểm sát Hà Nội, bao gồm 14 phòng nghiệp vụ và 29 đơn vị quận, huyện (tính đến thời điểm tháng 7/2011) là 750 người (ở cấp thành phố là 221 người và ở cấp quận, huyện là 529 người), gồm 148 KSV trung cấp và 321 KSV sơ cấp. Trong đó, số cán bộ, KSV làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tố tụng, bao gồm 04 phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tố tụng ở cấp tỉnh và 29 VKS quận, huyện là gần 400 người, trong đó, ở VKS thành phố là 79, còn ở VKSND cấp huyện là hơn 300 người.

Nhìn chung, trong những năm qua, VKSND hai cấp (cấp thành phố và cấp quận - huyện) cơ bản đã làm tốt công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự và đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần giữ vững và ổn định an ninh, chính trị trên địa bàn thành phố, góp phần vào việc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của Thủ đô nói chung.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, đã làm được, cũng còn bộc lộ một số hạn chế nhất định, như: Tỷ lệ kháng nghị của VKS so với số vụ án Tòa án xử khác quan điểm thấp, vẫn còn tình trạng VKS cấp phúc thẩm phải rút kháng nghị của VKS cấp sơ thẩm; Vẫn có nhiều vụ án thời hạn điều tra, truy tố, xét xử kéo dài, hồ sơ phải trả điều tra bổ sung nhiều lần, tỷ lệ hồ sơ phải trả để điều tra bổ sung vẫn ở mức cao ($\approx 04\%$ mỗi năm) ... Từ năm 2006 đến nay, mỗi năm đều có từ 07 đến 09 vụ án bị hủy để điều tra, xét xử lại. Ngoài ra, số án sơ thẩm bị cải sửa cũng ngày càng tăng: Năm 2006 có 71 bản án bị cấp phúc thẩm sửa; năm 2007, số án bị sửa là 251 bản án; năm 2008 và 2009 đều có 476 bản án bị sửa và đến năm 2010 có đến 521 bản án bị cấp phúc thẩm sửa. Điều đó cho thấy chất lượng công tác xét xử còn hạn chế, trong đó có sự hạn chế, yếu kém về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận KSV làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự sơ thẩm.

*

* *

Chương 3
MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NANG CAO HIỆU QUẢ
HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG GIAI ĐOẠN
XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM.

3.1 Căn cứ, yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao vị trí, vai trò của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong giai đoạn hiện nay

Một là, tr-ớc những yêu cầu cấp bách của việc tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất n-ớc, để hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách mạnh mẽ hệ thống các cơ quan t- pháp và các thủ tục tố tụng t- pháp trong điều kiện xây dựng Nhà n-ớc pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế, bên cạnh những kết quả tích cực mà công tác t- pháp đã đạt đ-ợc, Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị ban hành về một số nhiệm vụ trọng tâm của t- pháp thời gian tới đã xác định: chất l-ợng công tác t- pháp nói chung ch- a ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân; còn nhiều tr-ờng hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan ng-ời vô tội, vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà n-ớc và các cơ quan t- pháp.

Hai là, cùng với yêu cầu của công cuộc cải cách t- pháp, xuất phát từ thực trạng hiệu quả hoạt động của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm vẫn còn những tồn tại, hạn chế. Vì vậy, việc nâng cao vai trò của Viện kiểm sát trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp nói chung cũng nh- trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự nói riêng, trong giai đoạn hiện nay là một đòi hỏi khách quan và cấp thiết.

3.2 Hoàn thiện pháp luật

a) Hiến pháp: Cũng nh- Tòa án, hệ thống VKSND không đ-ợc tổ chức theo cấp xét xử mà đ-ợc tổ chức theo đơn vị hành chính - lãnh thổ. Vì vậy, về hình thức, dù hệ thống VKSND đ-ợc tổ chức theo nguyên tắc tập trung thống nhất, nh-ng ít nhiều, hoạt động của VKS cũng bị chi phối bởi sự tác động của chính quyền địa ph-ơng. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, có nhiều quan điểm của các luật gia và những nhà nghiên cứu xung quanh việc chuyển VKS thành Viện công tố; thay cho việc kiểm sát điều tra thì VKS phải chỉ đạo điều tra; có nên để VKS tiếp tục thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động t- pháp, kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án không ... cũng nh- việc xác định vị trí của VKS trong bộ máy nhà n-ớc.

Bên cạnh đó, trong tiến trình cải cách t- pháp, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về *Chiến lược cải cách t pháp đến năm 2020* đã chỉ rõ: "Tổ chức hệ thống Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính" và "Tr-ớc mắt, Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên chức năng nh- hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động

t pháp. Viện kiểm sát nhân dân đợc tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức Tòa án. Nghiên cứu việc chuyển Viện kiểm sát thành Viện công tố, tăng cồng trách nhiệm của công tố trong điều tra" .

Do đó, cần nghiên cứu để đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của Hiến pháp về chức năng cũng nh- vị trí của VKS trong bộ máy nhà n- ốc, theo h- óng: Về vị trí và chức năng của VKS vẫn giữ nguyên nh- quy định hiện hành; Sửa đổi, bổ sung các quy định của Hiến pháp 1992 (sửa đổi), theo h- óng, thành lập hệ thống tổ chức VKS phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính, đồng thời sửa đổi các vấn đề về tổ chức và hoạt động của VKS các cấp cũng nh- vấn đề giám sát của HĐND đối với VKS theo tinh thần cải cách t- pháp.

b) Luật tố tụng hình sự, Luật hình sự và các văn bản h- óng dẫn thi hành:

- Trong pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự cũng nh- các văn bản pháp luật có liên quan cần hạn chế đến mức thấp nhất hoặc loại bỏ hẳn các quy định có tính chất tùy nghi.

- Hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng các quy định có tính chất mở rộng (bằng việc sử dụng dấu ...) của các văn bản h- óng dẫn.

- Sửa đổi các quy định của BLTTHS cho hợp lý, nh- quy định về trình tự xét hỏi (Điều 207 BLTTHS); Việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại (Điều 195 BLTTHS); Quy định cho phép HĐXX đ- ợc khởi tố vụ án (khoản 1 Điều 104 của BLTTHS); Quy định về số l- ợng KSV tham gia phiên toà (khoản 1, Điều 189 BLTTHS) ...

- Bổ sung các quy định để tăng thêm quyền hạn và trách nhiệm cho KSV và có cơ chế để đảm bảo cho KSV thực hiện các quyền của mình.

3.3 Các giải pháp nâng cao vị trí, vai trò của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong giai đoạn hiện nay:

a) Hoàn thiện cơ cấu, tổ chức của VKS.

Cần tổ chức hệ thống VKSND theo cấp xét xử. Theo đó:

- Số l- ợng VKSND khu vực và địa hạt t- pháp của từng khu vực phải t- ơng ứng với số l- ợng Tòa án sơ thẩm khu vực, trên cơ sở kết hợp các tiêu chí: Khối l- ợng công việc; các đặc điểm về địa lý, chính trị - xã hội, dân tộc, tôn giáo và các yếu tố về an ninh - quốc phòng.

- Cơ cấu, tổ chức, bộ máy của VKS khu vực sẽ trên cơ sở hợp nhất một số VKS cấp huyện hiện nay nh- ng theo h- óng chuyên môn hóa cao hơn, nghĩa là trong bộ máy làm việc của VKS khu vực sẽ có các Phòng nghiệp vụ (thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp) và Văn phòng (thực hiện chức năng tham m- u tổng hợp, hành chính quản trị).

- Cán bộ của VKS khu vực sẽ chủ yếu là những cán bộ của các VKS cấp huyện đ- ợc hợp nhất, đồng thời có bổ sung một số cán bộ là Kiểm sát viên trung cấp và các cán bộ trẻ (trên cơ sở đ- ợc tăng biên chế).

b) *Bổ sung số lượng, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp đồng thời có chế độ đãi ngộ phù hợp cho đội ngũ kiểm sát viên làm công tác hình sự.*

Con người là yếu tố trung tâm quyết định sự thành bại của mọi chủ trương, chính sách. Trong khi đó, năng lực chuyên môn của đội ngũ kiểm sát viên làm công tác hình sự còn hạn chế. Nghị quyết 49 NQ/TW của Bộ chính trị đã chỉ ra: *"Công tác t pháp còn bộc lộ nhiều hạn chế ... Đội ngũ cán bộ t pháp, bổ trợ t pháp còn thiếu, trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử"*.

Số lượng cán bộ, KSV của ngành Kiểm sát vẫn còn thiếu so với quy định. Hơn nữa, với việc hai bộ luật là Luật hành chính (có hiệu lực từ 01/7/2011) và Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi (có hiệu lực từ 01/01/2012) với các quy định thông thoáng hơn về điều kiện khởi kiện, làm tăng số vụ án thụ lý nên yêu cầu về cán bộ lại càng trở nên cấp bách hơn, vì vậy, cần khẩn trương rà soát, bổ sung số lượng cán bộ cho cả hai ngành Tòa án và Kiểm sát. Đồng thời, cần đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh t pháp; bồi dưỡng cán bộ t pháp theo hướng cập nhật kịp thời các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; xây dựng cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, đủ tài vào làm việc cho các cơ quan t pháp. Mở rộng nguồn để bổ nhiệm vào các chức danh t pháp. Nghiên cứu áp dụng cơ chế thi tuyển để chọn được những người có tài bổ nhiệm vào các chức danh t pháp; tăng thời hạn bổ nhiệm hoặc thực hiện chế độ bổ nhiệm không có kỳ hạn để bảo đảm tính độc lập của cán bộ t pháp nói chung và đội ngũ KSV nói riêng.

Trong tình hình hiện nay, lòng tin của người dân đối với hoạt động t pháp nói chung bị giảm sút, một bộ phận cán bộ t pháp chưa thực hiện đầy đủ và đúng đắn các quy định của pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, ý thức trách nhiệm của một số cán bộ t pháp còn thấp. Vì vậy, cần thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, t t cho đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên; thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy cán bộ Kiểm sát, phải *"Công minh, Chính trực, Khách quan, Thận trọng, Khiêm tốn"*, gắn với việc *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*. Có chế độ đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ t pháp nói chung, trong đó có đội ngũ KSV nói riêng, giúp họ yên tâm công tác, gắn bó với ngành và có động lực để tiếp tục phấn đấu; Xử lý nghiêm minh và kịp thời với những cá nhân có vi phạm để làm trong sạch đội ngũ cán bộ t pháp.

c) *Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.*

Các cơ quan tiến hành tố tụng đều là các cơ quan trong bộ máy nhà nước, vì vậy, hoạt động của các cơ quan này, một mặt là nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ mà Nhà nước giao cho mỗi cơ quan, mặt khác hoạt động hiệu quả của cơ quan tố tụng này lại là tiền đề, điều kiện và có ảnh hưởng đến hiệu quả của các cơ quan tiến hành tố tụng khác. Vì vậy, phối hợp là nguyên tắc của

tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước nói chung cũng như của các cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng. Quan hệ phối hợp giữa VKS với Cơ quan điều tra và Tòa án chính là sự phối hợp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm thông qua hoạt động điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự. Mối quan hệ này nhằm đảm bảo cho hoạt động tố tụng được tiến hành khách quan, kịp thời, có căn cứ và đúng pháp luật.

Để làm tốt được công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tố tụng tại phiên tòa, KSV phải phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra để làm tốt ngay từ đầu công tác kiểm sát điều tra. Bởi lẽ, chỉ trên cơ sở việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can có căn cứ, đúng pháp luật; các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được làm rõ và thu thập đầy đủ; các hoạt động điều tra như lấy lời khai ngời bị tạm giữ, hỏi cung bị can, lấy lời khai ngời bị hại, ngời làm chứng, hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, giám định; việc thu thập tài liệu, chứng cứ... được tiến hành kịp thời, khách quan, đúng theo quy định của BLTTHS, mới đảm bảo được quyết định truy tố của VKS là có căn cứ và như vậy KSV mới có thể làm tốt công tác buộc tội tại phiên tòa được.

Trong xét xử hình sự, giữa VKS và Tòa án cũng cần có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ. Bởi lẽ: Tòa án được xác định giữ vị trí trung tâm của tố tụng hình sự, như hiệu quả hoạt động xét xử phụ thuộc không chỉ vào hoạt động của chính Tòa án mà còn có vai trò hỗ trợ đắc lực của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, để Tòa án thực hiện tốt chức năng xét xử của mình thì các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có VKS phải thực hiện tốt các hoạt động tương ứng để hỗ trợ cho hoạt động xét xử của Tòa án.

Tuy nhiên, cần nhận thức đúng đắn rằng, sự phối hợp ở đây là trên cơ sở chức năng của mỗi cơ quan do pháp luật quy định, để bổ sung cho nhau, kịp thời khắc phục những sai sót có thể xảy ra, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của mỗi cơ quan.

Bên cạnh đó, cũng cần tăng cường công tác tổng kết, rút kinh nghiệm cũng như từng bước công khai hoá các bản án.

d) Sửa đổi cơ chế duyệt án; Có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tranh tụng; Tăng cường số lượng cũng như chất lượng đội ngũ luật sư; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Tòa án và VKS.

- Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ chính trị xác định tranh tụng là khâu đột phá, như lại chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tranh tụng, nên việc thực hiện tại các Tòa án địa phương còn lúng túng; nội dung tranh tụng tại phiên tòa chưa thực sự đảm bảo dân chủ, tình trạng án “bỏ túi” vẫn phổ biến, KSV không chú trọng và tích cực trong hoạt động việc tranh luận với Luật sư. Điều này làm cho vị thế và vai trò của KSV tại phiên tòa cũng bị lu mờ đáng kể. Vì vậy, Tòa án nhân dân Tối cao và VKSND Tối cao cần phối hợp nghiên cứu, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể và thống nhất về trình tự, thủ tục cũng như yêu cầu tranh tụng tại phiên tòa.

- Tranh tụng là hoạt động tố tụng đ- ợc thực hiện bởi các bên tham gia tố tụng (bên buộc tội và bên bị buộc tội) có quyền bình đẳng với nhau trong việc thu thập, đ- a ra chứng cứ để bảo vệ các quan điểm và lợi ích của mình, phản bác lại các quan điểm và lợi ích của phía bên đối lập. Muốn cho hoạt động tranh tụng đ- ợc diễn ra dân chủ và công bằng, qua đó nâng cao đ- ợc vai trò, trách nhiệm của KSV trong hoạt động buộc tội, bên cạnh việc nâng cao trình độ và kỹ năng của đội ngũ KSV, không thể không đề cập đến việc hoàn thiện đội ngũ luật s- (là một bên của quá trình tranh tụng), phải đảm bảo đủ về số l- ợng và mạnh về chất l- ợng.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *"Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hay thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích"*. Vì vậy, cần tăng c- ờng công tác kiểm tra giám sát đối với hoạt động của Tòa án và VKS trong việc giải quyết các vụ án hình sự.

e) Tăng c- ờng cơ sở vật chất cho hoạt động của VKS.

Hoạt động của VKS muốn đạt đ- ợc hiệu quả cần có các điều kiện vật chất phù hợp, nh- kết luận 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị: *"Khẩn tr- ợng hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan t- ếp pháp; rà soát, nghiên cứu xây dựng cơ chế theo hướng ưu tiên hơn nữa và thu hút các nguồn vốn trong xã hội để đầu t- ếp cho các cơ quan t- ếp pháp; cho phép các địa ph- ơng hỗ trợ kinh phí cho cơ quan t- ếp pháp từ khoản v- ượt thu ngân sách địa ph- ơng ... Xây dựng mới chế độ, chính sách, chế độ l- ơng, phụ cấp đặc thù cho cán bộ t- ếp pháp..."*. Vì vậy, cần nghiên cứu, triển khai xây dựng quy hoạch tổng thể nhằm đảm bảo cơ sở vật chất (trụ sở, trang thiết bị làm việc...) đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS trong giai đoạn tr- ớc mắt cũng nh- lâu dài.

g) Tăng c- ờng hợp tác quốc tế.

Xu thế của khu vực và thế giới là hội nhập để cùng hợp tác và phát triển. Đ- ồng lối đối ngoại nhất quán của Đảng và Nhà n- ớc ta là độc lập, tự chủ, rộng mở, đa ph- ơng hóa và đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các n- ớc trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Cùng với sự hội nhập quốc tế về kinh tế, văn hóa ..., cần hợp tác quốc tế trong hoạt động tố tụng hình sự với vai trò của VKS là cơ quan đầu mối trong t- ếp pháp về hình sự.

KẾT LUẬN

Căn cứ vào yêu cầu của công cuộc cải cách t- pháp cũng nh- xuất phát từ hiệu quả hoạt động thực tế của các cơ quan t- pháp, trong đó có hệ thống VKSND, để xây dựng một n- ớc Việt Nam dân giàu, n- ớc mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, Đảng và Nhà n- ớc ta cũng đồng thời tiến hành chiến l- ược cải cách t- pháp, nhằm xây dựng một nền t- pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng b- ớc hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự tổ quốc, hoạt động t- pháp có hiệu quả và hiệu lực cao cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có việc phải nâng cao hiệu quả hoạt động của VKSND nói chung cũng nh- trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm nói riêng. Đây là một yêu cầu khách quan trong tình hình hiện nay.

Nghiên cứu vấn đề khoa học trên, tác giả đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về vị trí, vai trò và chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động của ngành kiểm sát Hà Nội từ năm 2005 đến năm 2010, tác giả đã đề những ph- ơng h- ớng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của VKSND trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm, gồm:

- Hoàn thiện các quy định của Hiến pháp và Pháp luật;
- Hoàn thiện cơ cấu, tổ chức của VKS;
- Bổ sung số l- ợng, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp đồng thời có chế độ đãi ngộ phù hợp cho đội ngũ kiểm sát viên làm công tác hình sự.
- Tăng c- ờng công tác phối kết hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.
- Sửa đổi cơ chế duyệt án; Có h- ớng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tranh tụng; Tăng c- ờng số l- ợng cũng nh- chất l- ợng đội ngũ luật s- ; Tăng c- ờng công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Tòa án và VKS.
- Tăng c- ờng cơ sở vật chất cho hoạt động của VKS.
- Tăng c- ờng hợp tác quốc tế.

Thực hiện tốt những ph- ơng h- ớng, giải pháp cụ thể nêu trên, chắc chắn sẽ góp phần nâng cao chất l- ợng và hiệu quả hoạt động của VKSND trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp nói chung, cũng nh- nâng cao hiệu quả hoạt động của VKS trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.

Tuy nhiên, những phân tích, luận giải và những giải pháp đ- a ra trong Luận văn chỉ là kết quả b- ớc đầu nghiên cứu của chúng tôi, vì vậy Luận văn sẽ không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong đ- ọc sự chỉ dẫn và giúp đỡ.